PHỤ LỤC II: ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số 128/KH-MNBN ngày 20/8/2024 của Trường mầm non Bình Ngọc)

I.MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

Lĩnh vực	MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Tổ chức ăn	**MT 1**	- Trẻ được đảm bảo nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.	- Tham mưu trong việc xây dựng thực đơn đảm bảo cung cấp như cầu dinh dưỡng theo khuyến nghị năng lượng - Tổ chức bữa ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng của trẻ - Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
	MT2	- Trẻ được ăn chế độ ăn, khẩu phần ăn, thực đơn phù hợp với độ tuổi	- Trẻ ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần (chẵn, lẻ), theo mùa (đông hè). Thực đơn không lặp lại trong 2 tuần - Trẻ được đảm bảo vè vệ snh an toàn thực phẩm
	MT 3	- Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ trên ngày tại trường mầm non	- Tổ chức bữa ăn chính cho trẻ vào buổi trưa, bữa phụ vào buổi chiều và uống sữa công thức
	MT 4	- Trẻ được uống nước đầy đủ,	- Trẻ uống nước đun sôi để

		đảm bảo vệ sinh	nguội (Nước ấm) đảm bảo vệ sinh - Uống khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
2. Tổ chức ngủ	**MT 5**	- Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.
3. Vệ sinh	**MT 6**	- Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng, … đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu - Các hoạt động chăm sóc vệ sinh cá nhân
	MT 7	- Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Hăng ngày lau lớp học bằng dung dịch khử khuẩn thường 2-3 lần - Hàng tháng vệ sinh đồ dùng, đò chơi - Thu gom rác thải và thực hiện các hoạt động vệ sinh mô trường
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	**MT 8**	-Trẻ được Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 12,7 – 21,2 kg . Trẻ gái: 12,3 – 21,5 kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 94,9 – 111,7 cm . Trẻ gái: 94,1 – 111,3 cm	- Chế độ dinh dưỡng cho trẻ trong trường mầm non + Đối với trẻ suy dinh dưỡng cho trẻ ăn cân đối hợp lý phối hợp nhiều loại thực phẩm, bổ sung sữa, tăng thêm bữa phụ. + Đối với trẻ béo phì cần giảm tinh bột và đường nên ăn nhiều protein và chất xơ. - Trẻ được cân đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm - Trẻ được kiểm tra sức khoẻ định kì ít nhất 1 lần/ năm - Phối hợp với y tế địa phương tuyên truyền các chiến dịch tiêm chủng - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.
	MT 9	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm	- Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng.

		chủng.	- Theo dõi tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh Covid-19.
	MT 10	- Trẻ được bảo vệ an toàn trước các tai nạn	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn - Các biện pháo phòng, tránh một số tại nạn

II.MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

LĨNH VỰC	**MÃ HÓA MỤC TIÊU**	**MỤC TIÊU**	**NỘI DUNG**
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	**PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG**		
	MT 1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:	***- Các động tác phát triển hô hấp:*** + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. ***- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:*** + Đưa tay lên cao, ra phía trước, dang ngang. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Hai tay đánh chéo nahu về phía trước, ra phía sau. + Từng tay đưa lên cao hai tay dang ngang. ***- Các động tác phát triển cơ bụng, lưng:*** + Đứng, cúi về trước. + Đứng nghiêng người sang 2 bên. + Đứng quay người sang 2 bên. + Đứng cúi về phía trước ngả người ra sau. +Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy.

			- Các động tác phát triển cơ chân: + Bước lên phía trước,bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. + Bật tại chỗ, bật tách chụm chân. + Co duỗi chân + Nhún chân +Đứng từng chân đưa lên trước, sau, ngang. + Đứng nâng cao chân, gập gối…
	MT 2	-Trẻ có thể giữ thăng bằng khi đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m)	+ Đi trong đường hẹp. + Đi hết đoạn đường hẹp 3m x 0,2m + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
	MT 3	-Trẻ có thể đi đi kiễng gót liên tục 3m	+ Đi kiễng gót liên tục 3m
	MT 4	-Trẻ có thể đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy theo hướng thẳng + Chạy liên tục 15m theo hướng thẳng.
	MT 5	-Trẻ có thể đi/ chạy được liên tục trong đường dích dắc (3,4 điểm dích dắc) không chệnh ra ngoài	+ Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.
	MT 6	-Trẻ biết bật xa 20 - 25 cm.	+ Bật về phía trước. + Bật tại chỗ. + Bật liên tục vào vòng + Bật xa 20- 25cm
	MT 7	-Trẻ biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Bò theo hướng thẳng. + Bò chui qua cổng. + Bò theo đường dích dắc + Bò trong đường hẹp
	MT 8	-Trẻ có thể trườn theo hướng thẳng	+ Trườn về phía trước. + Trườn theo hướng thẳng.

			+ Trườn theo đường dích dắc.
	MT 9	-Trẻ thực hiện được động tác: bước lên xuống bục cao 30cm	+ Bước lên xuống bục cao 30 cm.
	MT 10	- Trẻ biết chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang hàng dọc.	+ Chuyền bắt bóng với bạn theo hàng ngang. + Chuyền bắt bóng với bạn theo hàng dọc. + Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân.
	MT 11	-Trẻ có thể tung , bắt bóng cô, bắt được 3 lần không rơi bóng (khoảng cách 2,5m)	+ Tung bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao và bắt bóng + Tung bắt bóng với cô 3 lần liền không rơi. + Tung, bắt bóng với cô khoảng cách 2,5m.
	MT 12	-Trẻ biết tự đập và bắt bóng 3 lần liên tiếp.	+ Đập và bắt bóng tại chỗ + Đập bắt bóng nảy 3 lần liên tiếp + Đập và bắt bóng 3 lần liền với đường kính 18cm.
	MT 13	-Ném trúng đích ngang(xa 1,5 m)	+ Ném xa bằng 1 tay xa 1,5m + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném trúng đích ngang xa 1,5m.
	MT 14	-Trẻ biết: cuộn, xoay tròn cổ tay, gập đan các ngón tay	+ Gập đan các ngón tay vào nhau, xoay ngón tay, cuộn cổ tay… + Đan tết. + Các trò chơi dân gian với tay.
	MT 15	-Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu	+ Cách cầm bút + Vẽ nguệch ngoạc, theo ý thích, theo yêu cầu. + Tô màu theo ý thích, theo yêu cầu
	MT 16	-Trẻ có thể cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm.	+ Sử dụng kéo. + Cắt theo hướng dẫn.
	MT 17	-Trẻ biết xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.	+ Xếp chồng các hình khối khác nhau theo yêu cầu, theo ý thích.

	MT 18	- Trẻ biết tự cài, cởi cúc.	+ Đóng cúc. + Mở cúc.
	GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE:		
	MT 19	- Trẻ biết nhận biết tên một số thực phẩm quen thuộc.	+ Một số thực phẩm quen thuộc: thịt, cá, trứng, sữa, rau...
	MT 20	-Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày.	+ Thức ăn hàng ngày của bé. + Một số món ăn quen thuộc + Thức ăn hàng ngày của bé. +Thức ăn theo mùa.
	MT 21	-Biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Các loại thức ăn. + Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. + Ăn đa dạng các loại thức ăn
	MT 22	-Trẻ biết tập rửa tay bằng xà phòng với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Thao tác rửa tay bằng xà phòng + Các đồ dùng cần thiết để rửa tay .
	MT 23	-Trẻ biết làm quen với cách đánh răng, lau mặt.	+ Cách bé xúc miệng, lau mặt. + Những đồ dùng cần thiết để bé xúc miệng, lau mặt. + Bé đánh răng rửa mặt khi nào?
	MT 24	-Trẻ biết có thể thay quần,áo, tất dưới sự giúp đỡ của người lớn	+ Cách bé thay quần, áo, tất… + Bé thay quần áo khi nào.
	MT 25	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa đúng cách	+ Cách bé cầm bát, thìa. + Cách bảo quản bát, thìa, cốc
	MT 26	-Trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm và nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	+ Một số biểu hiện khi ốm. + Bé làm gì khi bị ốm, đau.
	MT 27	-Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (phích nước, ổ cắm, dao, cành cây...) + Cách phòng tránh những đồ vật có thể gây nguy hiểm.
	MT 28	- Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SĐ, béo phì…)	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SĐ, béo phì…)

	MT 29	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Một số việc gây nguy hiểm với bé.
	MT 30	- Trẻ biết được lợi ích của việc giữ vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với con người	- Một số lợi ích của việc giữ vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường.
	MT 31	- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Một số khu vực có thể gây nguy hiểm (đường lầy lội ngập nước, bể nước, ao hồ) + Một số nơi mất vệ sinh
	MT 32	- Trẻ biết thể hiện lời nói về nhu cầu ăn ngủ vệ sinh	+ Những lời nói về nhu cầu ăn ngủ vệ sinh
	MT 33	- Trẻ nhận biết trang phục theo mùa	+ Trang phục theo mùa. + Lợi ích của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
	MT 34	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	MT 35	- Trẻ biết tập luyện một số thói quen tốt để giữ gìn sức khỏe	+ Một số thói quen tốt để giữ gìn sức khỏe. + Cách tập luyện một số thói quen tốt cho sức khỏe.
	MT 36	- Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người hút thuốc khi có người lớn nhắc nhở	+ Tác hại của hút thuốc lá với sức khỏe con người. + Một số hành động không lại gần người hút thuốc khi có người lớn nhắc nhở.
	MT 37	+Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	+ Các tình huống khi bé gặp người lạ. + Kĩ năng của bé khi gặp các tình huống trên.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	**KHÁM PHÁ KHOA HỌC:**		
	MT38	- Quan tâm và hứng thú để xem xét, tìm hiểu về các bộ phận của cơ thể con người	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác nhau của cơ thể.
	MT39	-Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng , cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	+ Một số đồ dùng, đồ chơi. + Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.

	MT40	-Trẻ có một số hiểu biết về một số phương tiện giao thông quen thuộc.	+ Các phương tiện giao thông. + Sự giống và khác nhau phương tiện giao thông.
	MT41	-Trẻ có một số hiểu biết về cây cối, hoa quả… quen thuộc, gần gũi	+ Tên gọi, đặc điểm, cách chăm sóc cây hoa, quả quen thuộc. + Ích lợi của cây cối, hoa quả quen thuộc. + Sự giống và khác nhau giữa các nhóm cây cối, hoa quả quen thuộc.
	MT42	- Trẻ có một số hiểu biết về những động vật gần gũi.	+ Tên gọi, đặc điểm, cách chăm sóc các con vật gần gũi, quen thuộc. + Ích lợi, tác hại của một số con vật + Sự giống và khác nhau giữa các nhóm con vật.
	MT43	-Trẻ biết một số hiện tượng nắng, nóng, mưa và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe	+ Quan sát các hiện tượng thời tiết + Vì sao có mưa + Một số hiện tượng thiên nhiên: Bão, gió, lũ, sấm, chớp…. + Ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết đối với sinh hoạt con người.
	MT44	-Trẻ nhận ra những dấu hiệu nổi bật của các mùa trong năm, ngày và đêm	+ Một số dấu hiệu nổi bật của gày và đêm. + Các mùa trong năm. + Sinh hoạt của con người phù hợp với thời điểm trong ngày và các mùa trong năm.
	MT45	-Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	+ Các nguồn nước. + Ích lợi của nước với con người. + Cách sử dụng nước.
	MT46	- Trẻ có thể giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả một cách đơn giản các sự vật hiện tượng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Thí nghiệm: nước, không khí, đất… + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt

	MT47	- Trẻ biết được mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	+ Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng
	MT48	- Trẻ biết một vài đặc điểm của đất đá cát sỏi	+ Đặc điểm tính chất của cát, sỏi, đá.... + Ích lợi
	KHÁM PHÁ XÃ HỘI:		
	MT49	- Nói tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, tuổi, giới tính của bản thân. + Đặc điểm, sở thích của bản thân. + Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn.
	MT50	- Nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình.	+ Tên bố mẹ, tên các thành viên trong giao đình. + Địa chỉ gia đình. + Các hoạt động của gia đình.
	MT51	- Nói được tên trường, lớp, đồ dùng đồ chơi khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên lớp, tên trường, tên cô giáo.. + Đồ dùng đồ chơi trong lớp của bé. + Các hoạt động của bé ở trong trường, lớp.
	MT52	- Trẻ có thể kể được tên, sản phẩm của một số nghề quen thuộc.	+ Tên gọi một số nghề gần gũi, phổ biến. + Sản phẩm một số nghề. + Lợi ích của các nghề.
	MT53	- Trẻ có thể kể được tên của một số ngày lễ hội.	+ Một số ngày lễ hội: Trung thu, tết nguyên đán…. + Các hoạt động của lễ hội. + Các hành vi văn minh khi tham gia lễ hội.
	MT54	*- Kể tên một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.*	*+ Một số di tích lịch sử, danh lam thắng của địa phương, đất nước: Bãi biển Trà cổ, cửa khẩu Quốc Tế Móng Cái, chợ Trung Tâm Móng cái, Đá đen…* *+ Sự kiện văn hóa của địa*

			phương: Lễ hội đình…
	MT55	- *Trẻ biết một số qui định giao thông đơn giản.*	+ Một số qui định giao thông đường bộ. + Một số hành vi đúng, sai khi tham gia giao thông.
	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
	MT56	- Quan tâm đến số lượng và đếm, hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. Có thể đếm các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	+ Đếm theo khả năng + Đếm các đối tượng. + Đếm ngón tay + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Một và nhiều
	MT57	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ Các cách so sánh thêm bớt trong phạm vi 5. + Cách sử dụng từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT58	-Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn, nhỏ hơn , dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn.	- So sánh kích thước to - nhỏ của 2 nhóm đối tượng - So sánh kích thước cao - thấp của 2 đối tượng - So sánh kích thước dài - ngắn của 2 đối tượng - So sánh kích thước rộng – hẹp của 2 đối tượng
	MT59	- Biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Các cách gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5.
	MT60	- Biết tách hai nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5. M	- Các cách tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ trong phạm vi 5
	MT61	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	+ Xếp xen kẽ. + Xếp theo yêu cầu.
	MT62	- Biết cách xếp tương ứng, ghép đôi	+ Xếp tương ứng 1-1. + Ghép đôi.
	MT63	- Trẻ có thể nhận dạng và gọi	- Nhận biết, gọi tên các hình:

		tên các hình	hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép
	MT64	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Xác định phía trên – phía dưới của bản thân. + Xác định phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau bản thân trẻ. + Xác định tay phải, tay trái của bản thân.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	**PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE:**		
	MT65	- Trẻ hiểu và thực hiện được các yêu cầu đơn giản	+ Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày. + Nghe nhiều loại âm thanh trong các từ, các câu. + Nghe ngữ điệu thể hiện sắc thái tình cảm khác nhau. + Nghe các giọng nói biểu cảm khác nhau (kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao..) + Nghe âm thanh trong thiên nhiên, tiếng kêu của các con vật... +Nghe hiểu nội dung các câu đơn giản.
	MT66	- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	+ Một số truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
	MT67	- Trẻ nghe các bài hát đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi	+ Các bài hát đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố , hò vè phù hợp với độ tuổi.
	MT68	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ..	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm tính chất công dụng, và các từ biểu cảm. + Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ..
	MT69	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời với người đối thoại.	+ Lắng nghe và trả lời với người đối thoại + Trò chuyện qua các hoạt

			động. + Trò chuyện theo tranh. + Trò chuyện theo chủ đề.
	MT70	- Trẻ biết nghe hiểu nội dung các câu đơn và câu mở rộng	+ Các câu đơn và câu mở rộng.
	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI:		
	MT71	- Trẻ có thể nói rõ các tiếng của tiếng việt	+ Cách phát âm các tiếng rõ.
	MT72	- Biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	+ Các từ chỉ sự vật + Các từ chỉ đặc điểm + Từ chỉ hoạt động.
	MT73	-Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép..	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau: Câu đơn, câu phủ định... + Đặt câu hỏi.
	MT74	- Trẻ biết mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ của cô	+ Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ của cô.
	MT75	- Trẻ có thể nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	+Lời nói,cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	MT76	- Biết kể lại sự việc đơn giản.	+ Kĩ năng kể lại chuyện (theo trí nhớ, trí tưởng tượng.)
	MT77	- Có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	+ Một số bài thơ, ca dao, đồng dao theo chủ đề. + Cách đọc thơ ca dao, đồng dao.
	MT78	- Trẻ có thể bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.	+ Kĩ năng kể chuyện diễn cảm. + Kĩ năng đóng vai theo lời dẫn chuyện.
	MT79	- Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	+ Các từ biểu thị sự lễ phép: vâng ạ, dạ thưa + Cách sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.
	MT80	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	+ Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh.
	LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC VÀ VIẾT:		

	MT81	- Trẻ biết tự giở sách xem tranh	+ Các loại sách truyện. + Cách cầm sách, mở sách, đọc sách.
	MT82	- Trẻ thích tiếp xúc với chữ và sách truyện	+ Một số hoạt động với chữ và sách truyện.
	MT83	- Trẻ có thể làm quen với cách đọc và viết tiếng Việ , thích vẽ "Viết " nghệch ngoạc	+ Cách cầm bút giở sách và tô, đồ nét chữ, viết vẽ nghệch ngoạc.
	MT84	-Trẻ làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà VS, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)	+ Một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà VS, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
	MT85	- Trẻ biết giữ gìn sách	+ Cách xếp, cất bảo quản sách truyện.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-KĨ NĂNG XÃ HỘI	**PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM:**		
	MT86	- Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	+ Tên, tuổi, giới tính, của bé
	MT87	- Trẻ nói được điều bé thích và không thích.	+ Những điều bé thích và không thích.
	MT88	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Các hoạt động bé tham gia. + Cách bé trả lời câu hỏi
	MT89	- Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt giọng nói	+ Một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt giọng nói
	MT90	- Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc đơn giản được giao.	+ Bé với công việc được giao. + Công việc ở nhà của bé.
	MT91	-Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận.	+ Một sô trạng thái cảm xúc. + Cảm xúc của bé.
	MT92	-Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và tình cảm kính yêu với Bác Hồ	+ Chân dung Bác Hồ + Những hình ảnh về Bác. +Những bài hát, bài thơcâu chuyện về Bác.
	MT93	*- Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước*	*+ Tên gọi, địa điểm cảnh đẹp của quê hương đất nước.*
	PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG XÃ HỘI:		
	MT94	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cất đồ chơi, vâng lời bố	+ Nội qui lớp học. + Qui tắc ứng xử trong gia đình.

		mẹ...	
	MT95	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	+ Câu nói, cử chỉ lễ phép trong giao tiếp.
	MT96	- Trẻ biết chú ý khi cô, bạn nói.	+ Thái độ và hành động của bé khi giao tiếp với các bạn và người lớn.
	MT97	- Trẻ biết thể hiện yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột	+ Tình cảm của bé với bố mẹ, anh chị em ruột.
	MT98	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	+ Lắng nghe khi người khác nói. + Chờ đến lượt. + Chơi hòa thuận.
	MT99	-Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	+ Một số hành vi đúng sai, tốt xấu với môi trường. + Sự quan tâm của bé với thiên nhiên.
	MT100	-Trẻ biết quan tâm đến môi trường	+ Bỏ rác đúng nơi qui định. + Tiết kiệm điện nước.
	MT101	*- Trẻ bước đầu có một số hành vi ứng xử văn minh của người dân Bình Ngọc*	*+ Một số hành vi ứng xử văn minh của người dân Bình Ngọc.*
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	**ÂM NHẠC**		
	MT102	- Trẻ chú ý lắng nghe hát/ nghe nhạc	+ Thái độ, biểu cảm của bé khi nghe hát, nghe nhạc.
	MT103	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu lời ca của bài hát	+ Một số bài hát phù hợp với trẻ. + Kĩ năng khi trẻ hát.
	MT104	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động minh họa,..)	+Một số vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. + Kỹ năng vận động theo bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT105	- Trẻ biết thích thú khi lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động, dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài	+ Một số dụng cụ âm nhạc + Cách sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. + Biểu cảm của bé khi sử dụng

		hát.	các dụng cụ âm nhạc.
	MT106	- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong t iên nhiên và các tác phẩm nghệ thuật	- Những cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và các tác phẩm nghệ thuật
	TẠO HÌNH		
	MT107	- Trẻ thích thú khi ngắm nhìn các tác phẩm nghệ thuật.	+ Các tác phẩm nghệ thuật. + Cảm xúc của bé trước các tác phẩm tạo hình.
	MT108	-Trẻ biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý,	+ Một số nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình. + Cách sử dụng các nguyên liệu để tạo ra sản phẩm dưới sự hướng dẫn của người lớn.
	MT109	-Trẻ biết sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh đơn giản.	+ Một số kĩ năng vẽ các nét thẳng, xiên ngang.
	MT110	-Trẻ biết sử dụng một số kĩ năng xé dán và dán thành sản phẩm đơn giản	+ Một số kĩ năng xé, dán. + Cách sử dụng các kĩ năng xé, dán đơn giản để tạo ra sản phẩm.
	MT111	-Trẻ biết sử dung kĩ năng nặn đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng các kĩ năng: + Chơi với đất nặn: nắn, véo, đập, chia nhỏ... + Lăn dọc trên bàn tay + Lăn tròn viên đất. + Phối hợp các thao tác: lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoạc 2 khối phù hợp với chủ đề.
	MT112	- Trẻ có thể xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành những sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	+ Một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách các khối gỗ để tạo thành các sản phẩm. + Cách sử dụng các kỹ năng xếp để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	MT113	- Trẻ biết đặt tên cho sản	+ Đặt tên sản phẩm tạo hình

		phẩm và nhận xét sản phẩm tạo hình của mình.	của mình + Tình cảm của bé với các sản phẩm tạo hình .
	MT114	- Trẻ biết thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động âm nhạc tạo hình	+ Khả năng sáng tạo của bé khi tham gia các hoạt động âm nhạc tạo hình.